

Vietnam Daily Review

Thị trường giảm nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/5/2022	•		
Tuần 16/5-20/5/2022	•		
Tháng 5/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index mở cửa với gap dương 25 điểm, tuy nhiên sau khi không chinh phục ngưỡng 1215 thành công, lực bán đã khiến chỉ số đi xuống và đóng cửa ở quanh ngưỡng 1170, giảm gần 11 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 232 mã tăng so với 224 mã giảm, tuy nhiên nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn đóng cửa trong sắc đỏ khiến cho thị trường thiếu đi động lực tăng điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Thị trường dao động trong biên độ lớn cho thấy quá trình dò đáy vẫn chưa kết thúc. Ngưỡng hỗ trợ tiếp theo của VN-Index là vùng 1100.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư giao dịch thận trọng hoặc đứng ngoài chờ hình thành giai đoạn tích lũy và có dấu hiệu xu hướng rõ ràng.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 16/05/2022, các chứng quyền giảm nhẹ theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-10.82** điểm, đóng cửa **1171.95** điểm. HNX-Index **4.66** điểm, đóng cửa **307.05** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.46)**, **CTG (+0.82)**, **PLX (+0.59)**, **GVR (+0.57)**, **VRE(+0.57)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-2.36)**, **GAS (-2.31)**, **MSN (-2.24)**, **BCM(-1.25)**, **TCB (-1.03)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 13.753 tỷ đồng, giảm **25.21%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 14.578 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 45.37 điểm. Thị trường có **232** mã tăng, 45 mã tham chiếu và **224** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **258.03 tỷ** đồng trên sàn HOSE, gồm **CTG (45.70 tỷ)**, **HPG (45.34 tỷ)**, **VCI (25.13 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-32.66 tỷ** đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1171.95**
Giá trị: 18388.55 tỷ **-10.82 (-0.91%)**
Khối ngoại (ròng): 258.03 tỷ

HNX-INDEX **307.05**
Giá trị: 1911.62 tỷ **4.66 (1.54%)**
Khối ngoại (ròng): -32.66 tỷ

UPCOM-INDEX **93.20**
Giá trị: 0.45 tỷ **-0.41 (-0.44%)**
Khối ngoại (ròng): -6.44 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	110.3	-0.14%
Giá vàng	1,806	-0.33%
Tỷ giá USD/VND	23,085	-0.04%
Tỷ giá EUR/VND	24,098	0.30%
Tỷ giá JPY/VND	17,849	-0.07%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	13.36%
LS TPCP 5 năm	2.7%	10.42%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

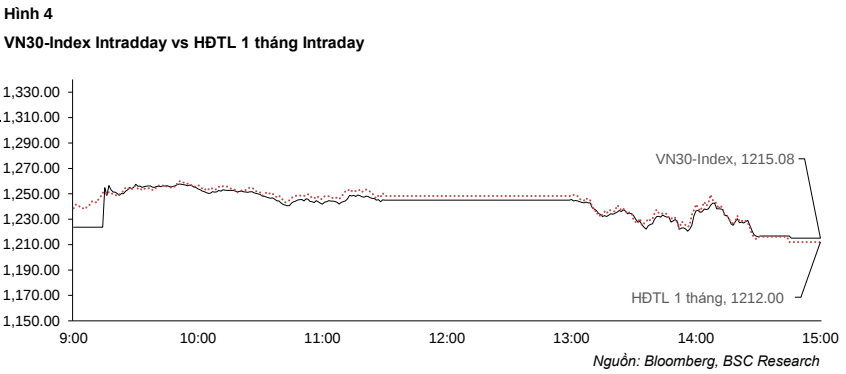
Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	45.7	SSI	-65.1
HPG	45.4	STB	-33.6
VCI	25.1	CHM	-25.7
NLG	24.9	GAS	-20.7
FUEVFVND	18.4	VCB	-19.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 3
Thống kê thị trường	Trang 4
Khuyến nghị dài hạn	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2205	1212.00	-1.06%	-3.08	-19.0%	354,410	5/19/2022	5
VN30F2206	1219.40	-0.54%	4.32	115.5%	5,030	6/16/2022	33
VN30F2209	1220.00	-1.69%	4.92	-49.0%	124	9/15/2022	124
VN30F2212	1221.00	-0.81%	5.92	-66.9%	53	12/15/2022	215

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm 8.68 điểm xuống 1215.08 điểm. Các cổ phiếu như MSN, TCB, VHM, STB, VIC đã tác động đến vận động của VN30. VN30 tiếp tục điều chỉnh nhẹ. Tuy nhiên, thanh khoản thị trường ở trên mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu bắt đáy đang dần hồi phục trong thị trường. Hiện tượng này, cho thấy khả năng thị trường có thể sẽ xuất hiện 1 giai đoạn tích lũy quanh mốc 1200 điểm.
- Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, tất cả các HĐ đều giảm, riêng VN30F2260 lại tăng mạnh. Xét về vị thế mở, các HĐ đều có mức tăng tương đối. Khuyến nghị các nhà đầu tư thận trọng giao dịch hoặc đứng ngoài chờ hình thành giai đoạn tích lũy và có dấu hiệu xu hướng rõ ràng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2111	5/24/2022	8	8:1	115,400	26.40%	1,990	220	57.14%	28	7.94	107,680	106,000	93,200
CPOW2201	7/15/2022	60	8:1	196,100	49.15%	1,000	190	35.71%	24	8.03	20,586	16,666	11,600
CHPG2204	6/24/2022	39	5:1	142,300	31.20%	1,900	400	21.21%	97	4.11	54,500	44,500	36,300
CHDB2201	9/21/2022	128	8:1	35,700	37.28%	1,500	360	9.09%	58	6.20	37,959	30,999	22,500
CNVL2202	8/15/2022	91	15.2:1	6,400	23.06%	1,000	500	8.70%	225	2.22	112,223	79,999	75,000
CHPG2201	10/21/2022	158	10:1	882,500	31.20%	1,300	390	8.33%	96	4.08	73,866	49,666	36,300
CVPB2203	7/15/2022	60	5:1	29,800	32.70%	1,000	550	7.84%	998	0.55	37,638	28,888	29,000
CFPT2201	9/20/2022	127	5:1	776,300	26.40%	2,100	970	5.43%	1,045	0.93	118,800	106,000	93,200
CACB2201	9/20/2022	127	4:1	249,700	24.28%	1,500	370	2.78%	167	2.21	47,980	35,500	27,600
CPNJ2201	9/20/2022	127	8:1	184,000	35.69%	2,300	1,790	2.29%	2,055	0.87	97,900	95,500	98,000
CFPT2203	8/1/2022	77	10:1	1,221,900	26.40%	3,800	2,550	2.00%	962	2.65	102,500	95,000	93,200
CVPB2201	9/20/2022	127	5:1	54,800	32.70%	1,300	700	1.45%	285	2.46	38,200	37,000	29,000
CVPB2204	11/15/2022	183	8:1	43,300	32.70%	1,000	700	0.00%	601	1.16	45,768	30,888	29,000
CVIC2202	8/15/2022	91	20:1	189,600	27.56%	1,100	620	0.00%	202	3.07	84,022	82,222	77,000
CMBB2201	9/20/2022	127	9.98:1	1,182,500	30.11%	2,700	1,180	-0.84%	132	8.96	59,440	29,500	24,600
CMWG2201	9/20/2022	127	6:1	77,500	28.87%	2,600	1,860	-2.11%	2,363	0.79	154,360	134,500	123,000
CVHM2205	8/15/2022	91	10:1	68,100	26.15%	1,000	300	-3.23%	121	2.49	89,088	78,888	65,800
CTPB2202	7/18/2022	63	20:1	509,800	41.52%	3,700	280	-3.45%	15	18.62	67,800	45,000	31,000
CFPT2108	7/6/2022	51	6:1	29,700	26.40%	3,280	1,060	-7.83%	387	2.74	109,835	106,835	93,200
CVHM2204	8/1/2022	77	20:1	1,593,800	26.15%	2,700	260	-18.75%	26	9.94	106,000	82,000	65,800
Tổng				7,473,800	31.30%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 16/05/2022, các chứng quyền giảm nhẹ theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CKDH2204 và CFPT2111 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 250.00% và 100.00%. Giá trị giao dịch giảm 31.55 %, CFPT2203 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 23.81 % thị trường.
- CTCB2201, CVJC2201, CNVL2201, và CSTB2205 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CNVL2202, CSTB2201, CPDR2202, và CKDH2107 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2202, CPNJ2201, và CMWG2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	123.0	-1.7%	0.6	3,915	7.3	7,030	17.5	4.0	49.0%	25.8%	
PNJ	Bán lẻ	98.0	0.5%	0.7	1,033	1.4	5,443	18.0	3.0	52.2%	18.0%	
BVH	Bảo hiểm	47.9	-5.5%	1.4	1,546	3.8	2,557	18.7	1.6	26.3%	9.0%	
PVI	Bảo hiểm	47.3	-0.4%	0.6	482	0.3	3,644	13.0	1.4	58.1%	11.1%	
VIC	Bất động sản	77.0	-1.3%	0.5	12,768	6.7	(578)	#N/A	2.8	12.6%	-2.4%	
VRE	Bất động sản	26.3	3.8%	1.1	2,593	5.3	401	65.5	1.9	30.9%	3.0%	
VHM	Bất động sản	65.8	-3.2%	0.8	12,457	15.2	8,786	7.5	2.2	23.4%	34.5%	
DXG	Bất động sản	25.0	-6.9%	1.5	660	12.5	1,503	16.6	1.7	31.2%	11.3%	
SSI	Chứng khoán	27.3	5.8%	1.6	1,178	22.4	3,023	9.0	1.8	37.2%	22.6%	
VCI	Chứng khoán	31.1	3.3%	1.0	450	5.3	4,884	6.4	1.4	18.9%	26.9%	
HCM	Chứng khoán	21.2	6.8%	1.6	420	4.6	2,619	8.1	1.3	42.5%	17.9%	
FPT	Công nghệ	93.2	-0.4%	0.9	3,704	7.2	5,152	18.1	4.4	49.0%	26.1%	
FOX	Công nghệ	70.4	-0.1%	0.4	1,005	0.0	4,926	14.3	3.8	0.0%	30.2%	
GAS	Dầu khí	95.0	-5.0%	1.0	7,905	4.1	5,109	18.6	3.3	2.9%	19.2%	
PLX	Dầu khí	39.1	4.7%	1.5	2,160	2.7	1,950	20.0	1.9	17.3%	9.9%	
PVS	Dầu khí	25.4	10.0%	1.6	528	11.1	1,408	18.0	1.0	9.0%	5.5%	
BSR	Dầu khí	19.3	4.3%	0.8	2,602	3.5	2,108	9.2	1.6	41.1%	19.1%	
DHG	Dược	90.5	-3.7%	0.3	514	0.2	6,105	14.8	3.3	54.2%	21.8%	
DPM	Hóa chất	46.1	-7.0%	1.2	784	13.4	12,920	3.6	1.5	12.7%	50.2%	
DCM	Hóa chất	26.1	-7.0%	1.2	601	8.7	5,643	4.6	1.5	7.5%	38.9%	
VCB	Ngân hàng	74.2	1.6%	0.9	15,268	5.1	4,855	15.3	3.0	23.6%	21.1%	
BID	Ngân hàng	32.2	1.3%	1.2	7,082	1.8	2,266	14.2	1.9	16.8%	13.8%	
CTG	Ngân hàng	24.6	2.7%	1.5	5,130	5.7	2,558	9.6	1.2	25.9%	13.0%	
VPB	Ngân hàng	29.0	0.0%	1.2	5,605	15.9	3,874	7.5	1.5	17.5%	24.0%	
MBB	Ngân hàng	24.6	2.1%	1.2	4,041	8.0	3,623	6.8	1.5	23.2%	23.7%	
ACB	Ngân hàng	27.6	0.4%	1.1	3,242	6.3	3,852	7.2	1.5	30.0%	24.2%	
BMP	Nhựa	53.0	-0.6%	0.7	189	0.0	3,150	16.8	1.8	85.6%	10.7%	
NTP	Nhựa	46.7	-0.6%	0.6	239	0.1	3,990	11.7	1.9	17.9%	16.9%	
MSR	Tài nguyên	19.7	2.6%	1.4	941	0.3	178	110.7	1.5	10.1%	1.4%	
HPG	Thép	36.3	1.1%	1.1	7,059	47.4	7,443	4.9	1.6	21.7%	40.4%	
HSG	Thép	19.8	-6.8%	1.5	425	9.8	7,157	2.8	0.9	6.9%	35.8%	
VNM	Tiêu dùng	65.8	-0.5%	0.6	5,979	5.7	4,390	15.0	4.3	54.3%	28.9%	
SAB	Tiêu dùng	157.8	-3.0%	0.8	4,400	0.7	5,969	26.4	4.7	62.7%	19.0%	
MSN	Tiêu dùng	90.2	-6.9%	1.0	5,556	4.3	7,041	12.8	4.6	28.6%	45.7%	
SBT	Tiêu dùng	14.7	2.1%	1.5	402	2.1	1,144	12.9	1.1	8.4%	8.3%	
ACV	Vận tải	83.0	-3.5%	0.8	7,856	0.1	363	228.8	4.8	3.8%	1.3%	
VJC	Vận tải	126.0	0.1%	1.1	2,967	3.4	361	348.6	4.0	16.8%	1.2%	
HVN	Vận tải	18.1	2.0%	1.7	1,743	1.0	(6,783)	N/A	N/A	26.9	6.1%	-331.6%
GMD	Vận tải	48.4	-6.9%	1.0	634	6.7	2,256	21.5	2.2	44.6%	10.8%	
PVT	Vận tải	17.7	6.9%	1.4	249	2.7	2,088	8.5	1.1	11.0%	13.0%	
VCS	Vật liệu xây dựng	82.1	0.0%	0.8	571	0.2	10,540	7.8	2.5	3.3%	37.5%	
VGC	Vật liệu xây dựng	32.2	-6.9%	0.8	628	1.7	3,677	8.8	1.9	4.6%	22.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	14.9	-0.3%	1.1	246	0.6	783	19.0	1.1	2.0%	5.6%	
CTD	Xây dựng	43.2	0.5%	1.3	139	0.9	(27)	N/A	N/A	0.4	45.1%	0.0%
CII	Xây dựng	18.7	1.6%	1.2	205	3.2	1,266	14.8	0.9	11.1%	6.1%	
REE	Điện	75.4	-6.9%	-1.4	1,013	5.3	6,893	10.9	1.7	49.0%	16.7%	
PC1	Điện	30.3	-6.9%	-0.4	310	2.4	3,238	9.4	1.5	5.2%	16.9%	
POW	Điện	11.6	1.3%	0.6	1,181	4.7	859	13.5	0.9	2.0%	6.9%	
NT2	Điện	20.9	3.7%	0.7	261	0.3	1,933	10.8	1.4	13.9%	13.1%	
KBC	Khu công nghiệp	36.3	-0.1%	1.5	907	7.6	1,154	31.4	1.4	18.6%	5.3%	
BCM	Khu công nghiệp	68.2	-7%	0.9	3,069	1.0	1,190	57.3	4.3	2.7%	8.4%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	74.20	1.64	1.45	1.56MLN
CTG	24.55	2.72	0.80	5.22MLN
PLX	39.10	4.69	0.58	1.60MLN
VRE	26.25	3.75	0.56	4.65MLN
GVR	21.85	2.58	0.56	2.35MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-2.44	5.30MLN	1.11MLN
GAS	-0.01	-2.44	955900	607060
MSN	-0.01	-2.42	1.05MLN	373600
BCM	-0.01	-1.34	310100	192700
TCB	0.00	-1.07	11.69MLN	611640

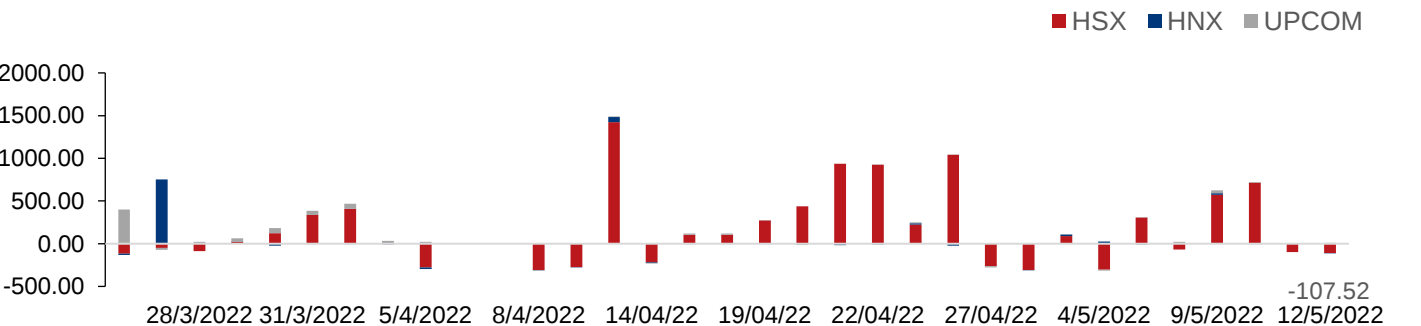
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
COM	56.70	6.98	0.01	5900.00
SFC	23.80	6.97	0.00	100
PVT	17.70	6.95	0.10	3.58MLN
VMD	23.35	6.86	0.01	14900
YEG	17.15	6.85	0.01	125500

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LHG	30.60	-6.99	-0.03	998000
VSH	27.95	-6.99	-0.13	333100
DGW	93.20	-6.99	-0.16	1.15MLN
MIG	23.30	-6.99	-0.06	2.20MLN
ANV	38.65	-6.98	-0.09	2.62MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	93.2	5,152	18.1	4.4	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	26.5	2,466	10.7	1.7	Click
3	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	25.7	11,559	2.2	0.9	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	11.6	859	13.5	0.9	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	98.0	5,443	18.0	3.0	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	123.0	7,030	17.5	4.0	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	17.7	2,088	8.5	1.1	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	180.1	18,902	9.5	4.2	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	36.3	7,443	4.9	1.6	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	36.3	1,154	31.4	1.4	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	25.9	5,084	5.1	1.7	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	25.0	1,503	16.6	1.7	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	93.2	8,596	10.8	4.1	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	38.7	2,136	18.1	1.9	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	24.7	2,917	8.5	1.6	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	81.4	8,331	9.8	2.3	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	27.8	1,941	14.3	1.3	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	47.3	3,644	13.0	1.4	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	25.4	1,408	18.0	1.0	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	95.0	5,109	18.6	3.3	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	17.8	3,141	5.7	1.2	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	43.2	-27	#N/A N/A	0.4	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	13.7	1,701	8.1	0.6	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.3	1,350	8.4	0.5	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.3	1,350	8.4	0.5	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	13.0	2,433	5.3	1.0	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	98.0	5,443	18.0	3.0	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	98.0	5,443	18.0	3.0	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	123.0	7,030	17.5	4.0	Click
30	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	44.0	2,762	15.9	3.1	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	44.7	1,900	23.5	1.9	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	19.3	2,108	9.2	1.6	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	16.5	1,034	16.0	1.0	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	81.4	8,331	9.8	2.3	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.0	2,916	9.6	1.5	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	12.8	689	18.6	1.0	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	21.0	2,054	10.2	1.0	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	41.4	3019.9	13.7	1.7	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	20.9	1,933	10.8	1.4	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	95.0	5,109	18.6	3.3	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	25.7	11,559	2.2	0.9	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	39.3	1,878	20.9	2.4	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	65.8	4,390	15.0	4.3	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	93.2	5,152	18.1	4.4	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	26.3	401	65.5	1.9	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	180.1	18,902	9.5	4.2	Click
47	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	30.6	6,244	4.9	1.0	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
2	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
6	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
7	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
9	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
11	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
12	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
14	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
15	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
16	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
18	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
21	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
22	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
24	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
25	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
29	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
30	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
31	Banking Sector Outlook		x	Click
32	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
34	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
35	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
36	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
37	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
38	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
39	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
40	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
41	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
42	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
43	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
44	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639